

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Mai Hương.
2. Ông Trần Văn Bé Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 519/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2019/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2019/QĐST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV TM XNK-D.

Trụ sở: ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N – Chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

2. Bị đơn: Phạm Minh P, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/5/2019 và Đơn ghi ý kiến ngày 22/10/2019, anh Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh Phạm Minh P mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH MTV TM-XNK D từ ngày 28/4/2017 đến ngày 23/7/2017, còn nợ Công ty số tiền là 8.083.000 đồng. Anh P đã hứa nhiều lần nhưng vẫn chưa thanh toán.

Tại đơn khởi kiện, Công ty TNHH MTV TM XNK D yêu cầu anh P trả cho Công ty số tiền mua bán còn nợ là 8.083.000 đồng và lãi chậm trả, lãi suất 0,85%/tháng, tạm tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày 23/3/2019 là 1.374.000 đồng, tổng cộng là 9.457.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi chậm trả phát sinh.

Tại Đơn ghi ý kiến ngày 22/10/2019, anh Nguyễn Văn N là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu anh P trả cho Công ty số tiền mua bán còn nợ là 8.083.000 đồng và lãi chậm trả, lãi suất 1,67%/tháng, tính từ ngày 23/7/2017 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về hợp đồng mua bán tài sản, địa chỉ của bị đơn tại huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Minh P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TM-XNK D (gọi tắt là Công ty) yêu cầu anh Phạm Minh P trả cho Công ty số tiền mua bán còn nợ là 8.083.000 đồng và tiền lãi, mức lãi suất 1,67%/tháng, tính từ ngày 23/7/2017 đến khi giải quyết xong vụ kiện.

[4] Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp 15 Phiếu giao hàng có chữ ký người nhận hàng ghi Phạm Minh P. Theo đó, từ ngày 28/4/2017 đến ngày 23/7/2017, anh P nhiều lần mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty. Trong đó, Phiếu giao hàng cuối cùng là ngày 23/7/2017 ghi “Còn lại: 8.083.200 đồng”. Công ty xác định đến ngày 23/7/2017 thì anh P còn nợ số tiền mua thuốc bảo vệ thực vật là 8.083.200 đồng đến nay chưa trả. Nay Công ty yêu cầu anh P trả số tiền 8.083.200 đồng.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp xác nhận của Công an xã T ngày 03/10/2019 xác định anh P có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện có mặt tại địa phương. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P là bị đơn nhưng anh P không đến Tòa án để giải quyết vụ án, đồng thời anh P cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như

vậy, việc nguyên đơn cho rằng anh P còn nợ Công ty số tiền 8.083.000 đồng như đã nói trên là có thật nên yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán...*”, và quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng*”.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi: Theo đơn khởi kiện thì Công ty yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,85%/tháng. Tại Văn bản ý kiến ngày 22/10/2019 thì yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,67%/tháng. Công ty cho rằng khi mua bán hai bên thỏa thuận anh P nợ lại Công ty trong vòng 01 vụ phải thanh toán, Công ty sẽ không tính lãi. Nếu hết 01 vụ mà anh P không thanh toán thì anh P sẽ phải trả tiền lãi trên số tiền nợ với mức lãi suất là 2%/tháng, nhưng các bên không có làm văn bản để ghi nhận mức lãi suất này.

[7] Xét thấy, việc thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền mua bán thì hai bên không lập thành văn bản. Tại các Phiếu giao hàng mà Công ty nộp là tài liệu, chứng cứ duy nhất cũng không ghi nhận lãi suất bao nhiêu. Đồng thời, trong nội dung phiếu giao hàng có ghi “hạn nợ” nhưng cũng không ghi rõ thời hạn nợ là khi nào. Do đó, không có căn cứ xác định hai bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả như nguyên đơn trình bày cũng như thời hạn tính lãi suất chậm trả là khi nào. Tuy nhiên, có căn cứ xác định anh P đã mua hàng nhiều lần, lần mua cuối cùng là ngày 23/7/2017, đến nay không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn là có căn cứ, nhưng cần điều chỉnh về mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 23/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm thành số tiền 1.899.552 đồng, làm tròn thành số tiền 1.899.600 đồng.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Về án phí: Do Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên anh P là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV TM-XNK D.

2. Buộc anh Phạm Minh P trả cho Công ty TNHH MTV TM-XNK D số tiền 9.982.800 đồng (Chín triệu chín trăm tám mươi hai nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phạm Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 499.200 đồng (Bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).

- Công ty TNHH MTV TM XNK DELTA G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003214, ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo